TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHL
TỈNH BT

Bản án số: 146/2025/DS-ST
Ngày: 13/6/2025
V/v "Tranh chấp HĐ tín dụng".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Công T.

Bà Trần Thị Kim N.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Mạnh C - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT *tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN. Địa chỉ: số 02 đường LH, phường TC, quận BĐ, thành phố HN. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hà Thanh M - Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - Chi nhánh huyện CL BT (theo quyết định số 2664/QĐ-NHNo-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN về ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật); Địa chỉ: 238/18B, KP 2, Thị Trấn CL, Huyện CL, Tỉnh BT.

Ông Phan Hà Thanh M ủy quyền cho bà Đoàn Thị Ngân Đ - Chức vụ: Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh CL, BT. Có mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1984; địa chỉ: 93/6 ấp HT, xã VB, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Quốc T, sinh năm 1991; địa chỉ: 328/3 ấp Phụng Đức B, xã Phú phụng, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đ trình bày:

Khách hàng vay bà Phạm Thị D nhân danh cá nhân và đồng thời đại diện theo ủy quyền vay vốn của ông Trần Quốc T đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN - Chi nhánh huyện CL BT - Phòng Giao dịch Phú Phụng. Thông tin hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 7106-LAV-202104074 ngày 18/11/2021

Giấy nhận nợ số: 7106-LDS-202106830 ngày 19/11/2021.

Số tiền vay: 200.000.000 đồng.

Số tiền giải ngân: 200.000.000 đồng

Mục đích vay: Sản xuất cây kiểng

Thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay theo cam kết bằng tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CV542660, số vào sổ cấp giấy CS06257 do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Tỉnh BT cấp ngày 12/05/2020, thửa đất số 479, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã Phú Phụng, huyện CL, tỉnh BT, diện tích 96,4 m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 88,8m^2, Đất trồng cây lâu năm 7,6 m^2

Đến ngày 18/11/2022, khách hàng phải trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên nhưng hộ vay không trả được nợ và Agribank Chi nhánh huyện CL BT chuyển hợp đồng vay vốn sang nợ quá hạn theo quy định, số tiền nợ gốc 198.000.000 đồng và lãi phát sinh. Sau khi quá hạn Agribank Chi nhánh huyện CL BT đã nhiều lần kết hợp với UBND xã VB để thực hiện xử lý, thu hồi nợ đã quá hạn nhưng hộ vay bỏ trốn khỏi địa phương nên không tiếp cận được.

Tổng số tiền mà hộ bà Phạm Thị D còn nợ Agribank Chi nhánh huyện CL BT - Phòng Giao dịch Phú Phụng, theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 13/6/2025 là: 281.970.870đồng, trong đó:

+ Số tiền gốc là: 198.000.000 đồng

+ Số tiền lãi tạm tính đến ngày 13/6/2025 là: 83.970.870đồng.

Vì vậy, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - Chi nhánh huyện CL BT đề nghị Quý Toà xét xử:

Buộc người bị kiện là bà Phạm Thị D và ông Trần Quốc T thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay với số tiền gốc là: 198.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 13/6/2025 là: 83.970.870đồng, tổng cộng: 281.970.870đồng. Ngoài ra, bà Phạm Thị D và ông Trần Quốc T còn phải trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong theo Hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 14/6/2025 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xử lý tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi nợ, tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CV542660, số vào sổ cấp giấy CS06257 do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Tỉnh BT cấp ngày 12/05/2020, thửa đất số 479, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã Phú Phụng, huyện CL, tỉnh BT, diện tích 96,4m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 88,8m^2, Đất trồng cây lâu năm 7,6m^2.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không tuân thủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có mặt theo thông báo của Tòa án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng NN & PTNT VN - chi nhánh huyện CL, buộc bà Phạm Thị D và ông Trần Quốc T có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng NN & PTNT VN - chi nhánh huyện CL số tiền tạm tính đến ngày 13/6/2025 là 281.970.870đồng. Đồng thời, đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị D và ông Trần Quốc T phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xử lý tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi nợ, tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CV542660, số vào sổ cấp giấy CS06257 do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Tỉnh BT cấp ngày 12/05/2020, thửa đất số 479, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã Phú Phụng, huyện CL, tỉnh BT, diện tích 96,4m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 88,8 m^2, Đất trồng cây lâu năm 7,6m^2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung Hợp đồng tín dụng số 7106-LAV-202104074 ngày 18/11/2021; Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 7106-LDS-202106830 ngày 19/11/2021 giữa Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh huyện CL BT với bà Phạm Thị D; căn cứ theo quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng thì quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Tuy nhiên, theo hợp đồng tín dụng nêu trên, mục đích vay tiền của bà D là để sản xuất cây kiểng, nhưng bà D là hộ cá nhân không có đăng ký kinh doanh, nên căn cứ theo quy định tại Điều 26, 30, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 116 của Bộ luật dân sự thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về dân sự.

Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thị D và ông Trần Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để T hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng vẫn không có mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX T hành xét xử vắng mặt ông bà là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 7106-LAV-202104074 ngày 18/11/2021; Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 7106-LDS-202106830 ngày 19/11/2021 giữa Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh huyện CL BT với bà Phạm Thị D đã thể hiện nội dung ông Trần Quốc T ủy quyền cho bà Phạm Thị D để vay của Ngân hàng khoản vay 200.000.000đồng và cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản là cam kết dùng các tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền quản lý của mình để đảm bảo khoản tiền đang vay quyền sử dụng phần đất có diện tích 96,4m^2, thửa đất số 479, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã Phú Phụng, huyện CL, tỉnh BT. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến nay bà D còn nợ của Ngân hàng khoản vay 198.000.000đồng và tiền lãi là 83.870.870đồng (trong đó lãi trong hạn là 68.583.781đồng, lãi quá hạn 11.146.685đồng, lãi chậm trả 8.240.404đồng).

Theo thỏa thuận giữa Ngân hàng với bà D:

Thời hạn vay 36 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 18/11/2024.

Lãi suất vay: 9%/năm; lãi suất quá hạn 13,5%/năm; được áp dụng trong thời hạn từ ngày 19/11/2021 đến ngày 31/12/2021 (Lãi suất cho vay điều chỉnh giảm này sẽ thay đổi nếu có thông báo về thay đổi lãi suất của Giám đốc Agribank chi nhánh tỉnh BT). Từ ngày 01/01/2022 trở đi áp dụng lãi suất cho vay thông thường theo quy định hiện hành của Giám đốc Agribank chi nhánh tỉnh BT theo từng thời kỳ.

Lãi suất chậm trả: 10%/năm.

Định kỳ trả gốc: 3 kỳ. Định kỳ trả lãi: 6 tháng/lần.

Trong đó, ngày 18/11/2022, phải trả số tiền gốc là 20.000.000đồng, ngày 18/11/2023, phải trả số tiền gốc là 60.000.000đồng và ngày 18/11/2024, phải trả số tiền gốc là 120.000.000đồng.

Bà D đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là 2.000.000đồng và lãi là 9.675.783đồng. Kỳ trả lãi cuối cùng của bà D là ngày 09/10/2022.

Nhận thấy, Hợp đồng tín dụng số 7106-LAV-202104074 ngày 18/11/2021; Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 7106-LDS-202106830 ngày 19/11/2021 giữa Ngân hàng NN & PTNT VN - Chi nhánh huyện CL BT với bà Phạm Thị D có giá trị pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ đối với bà D và đã quá thời hạn trả tiền gốc và lãi từ ngày 18/11/2024 đến nay mà bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là vi phạm Điều 466 BLDS năm 2015 và Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà D có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay với số tiền nợ

gốc và lãi đến ngày 13/6/2025 tổng cộng là **281.970.870đồng**, gồm số tiền gốc là 198.000.000đồng, số tiền lãi là 83.970.870đồng là có căn cứ.

[2.2] Đối với nghĩa vụ liên đới của ông Trần Quốc T:

Căn cứ hợp đồng ủy quyền ngày 18/11/2021, ông Trần Quốc T ủy quyền cho bà Phạm Thị D được quyền thay mặt và nhân danh để xác lập, thực hiện giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN, mục đích bà D vay vốn nhằm để phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy, căn cứ Điều 24, 25, 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình, buộc ông Trần Quốc T có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Phạm Thị D trả cho Ngân hàng NN & PTNT VN - Chi nhánh huyện CL BT số tiền nợ gốc và lãi đến ngày 13/6/2025 tổng cộng là **281.970.870đồng** là phù hợp.

[2.3] Đối với việc Ngân hàng yêu cầu bà D, ông T còn phải trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 14/6/2025 cho đến ngày thanh toán hết nợ là đúng quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo tiền để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CV542660, số vào sổ cấp giấy CS06257 do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Tỉnh BT cấp ngày 12/05/2020, thửa đất số 479, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã Phú Phụng, huyện CL, tỉnh BT, diện tích 96,4m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 88,8m^2, đất trồng cây lâu năm 7,6m^2. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện này nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CL là phù hợp và có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các 26, 35, 39, 227, 228, 244, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 116, 119 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Căn cứ Điều 24, 25, 27 và 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 24, 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn VN - chi nhánh huyện CL BT đối với bà Phạm Thị D và ông Trần Quốc T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Phạm Thị D và ông Trần Quốc T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn VN - chi nhánh huyện CL BT tổng số tiền là **281.970.870đồng** *(hai trăm tám mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi nghìn tám trăm bảy mươi đồng)*, gồm số tiền gốc là 198.000.000đồng, số tiền lãi là 83.970.870đồng.

Bà Phạm Thị D và ông Trần Quốc T phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7106-LAV-202104074 ngày 18/11/2021; Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 7106-LDS-202106830 ngày 19/11/2021 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn VN - Chi nhánh huyện CL BT với bà Phạm Thị D đối với số tiền chậm trả tính từ ngày 14/6/2025 đến khi thi hành án xong.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CV542660, số vào sổ cấp giấy CS06257 do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Tỉnh BT cấp ngày 12/05/2020, thửa đất số 479, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã Phú Phụng, huyện CL, tỉnh BT, diện tích 96,4m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 88,8m^2, Đất trồng cây lâu năm 7,6m^2.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Phạm Thị D, ông Trần Quốc T phải có nghĩa vụ liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.098.000 đồng.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn VN - Chi nhánh huyện CL BT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.618.000đồng theo biên lai số 0008928 ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện CL;*
- *Chi cục T.H.A DS CL;*
- *TAND tỉnh BT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã kí tên và đóng dấu)